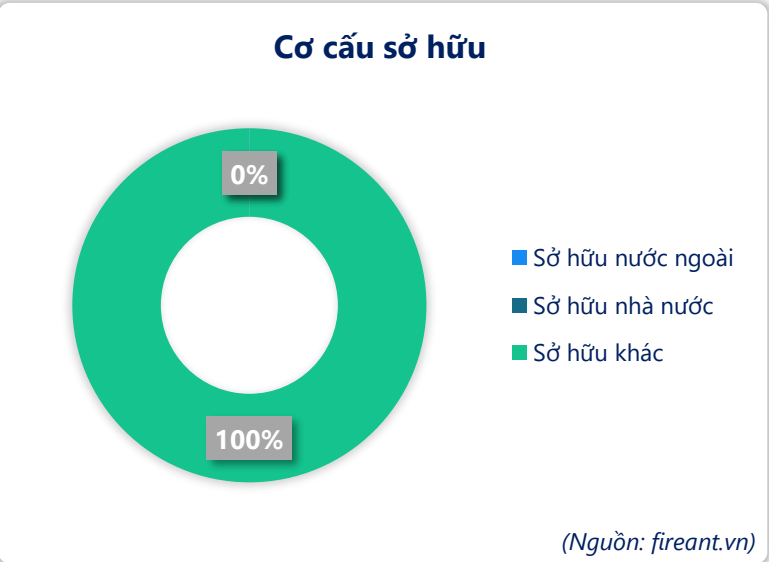
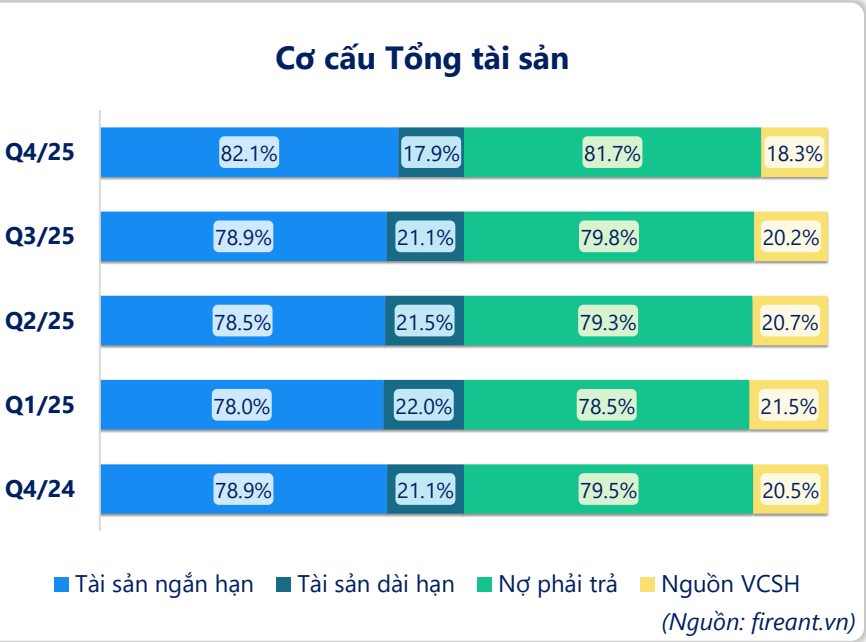
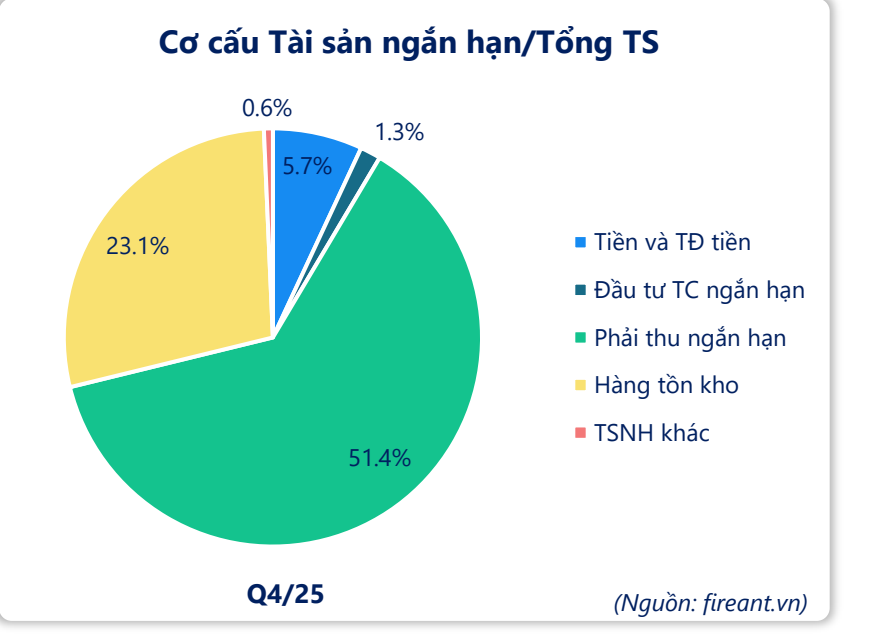
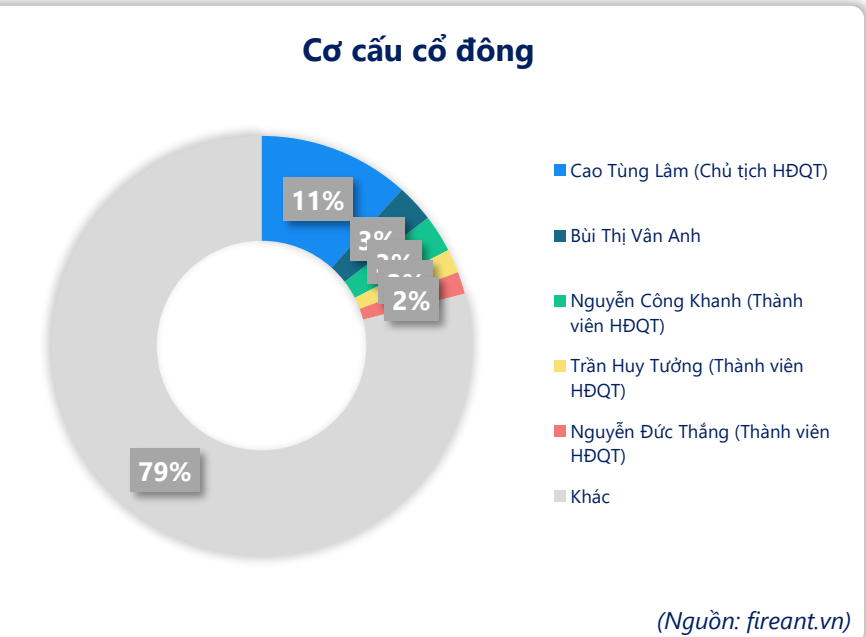
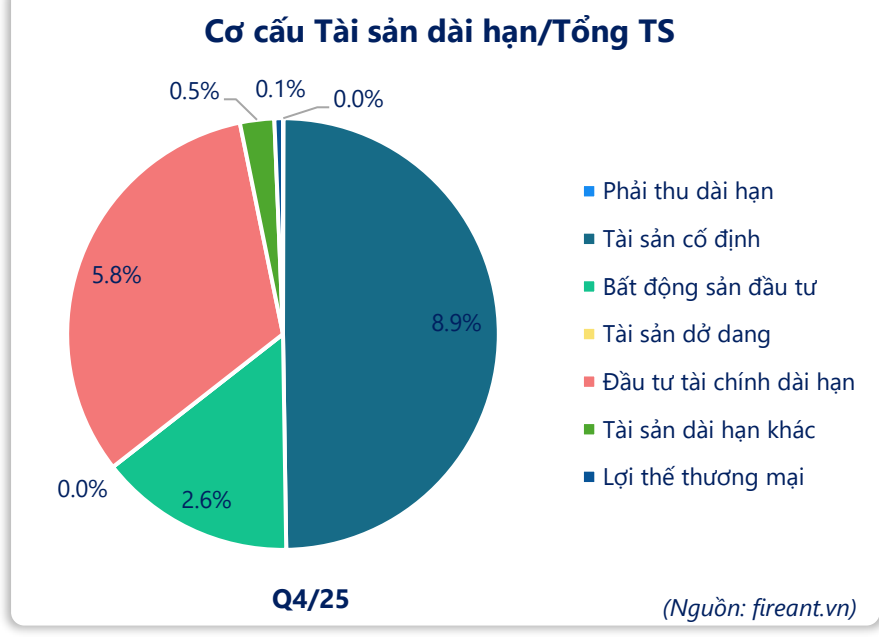
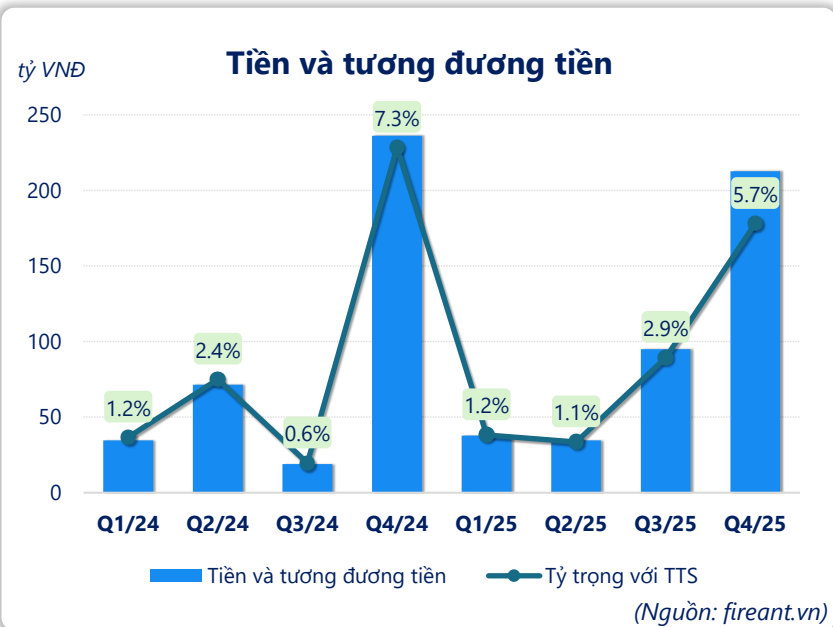
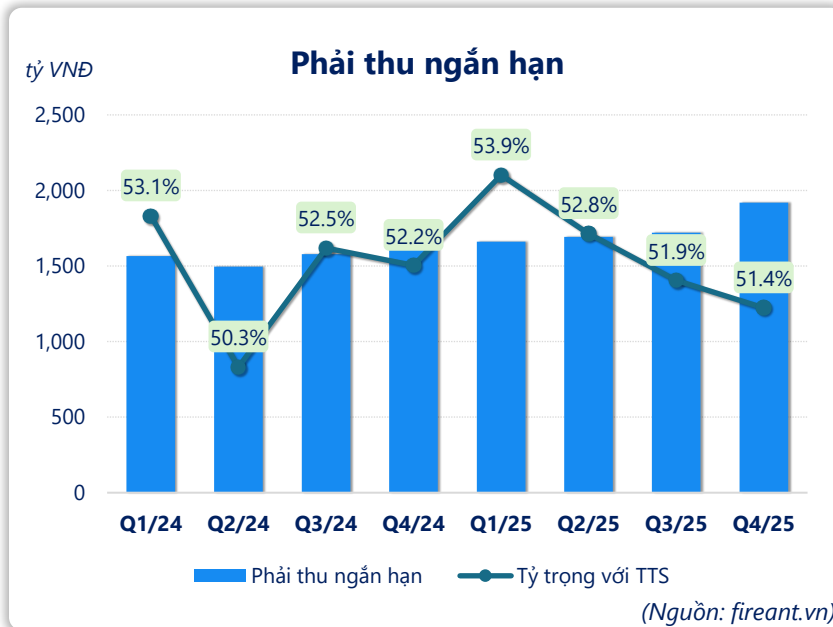
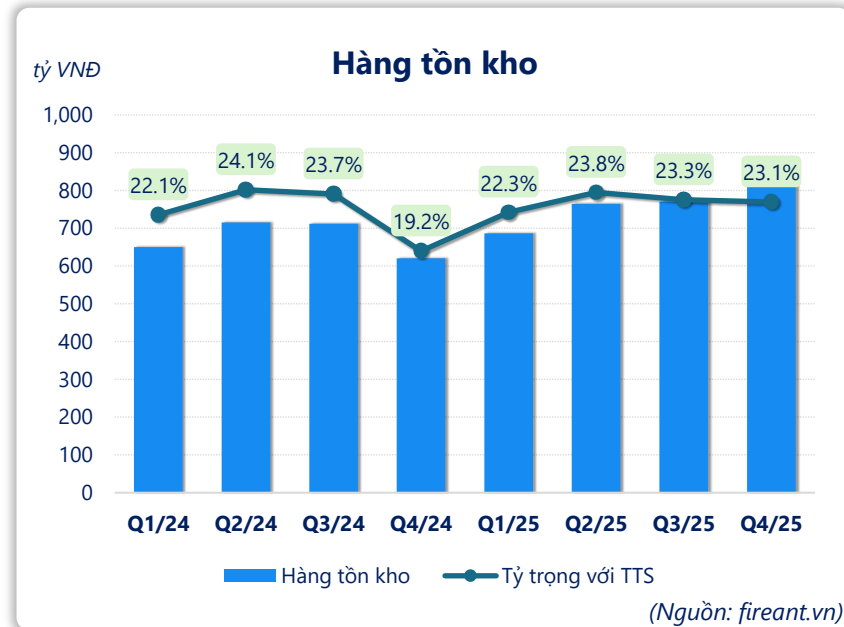
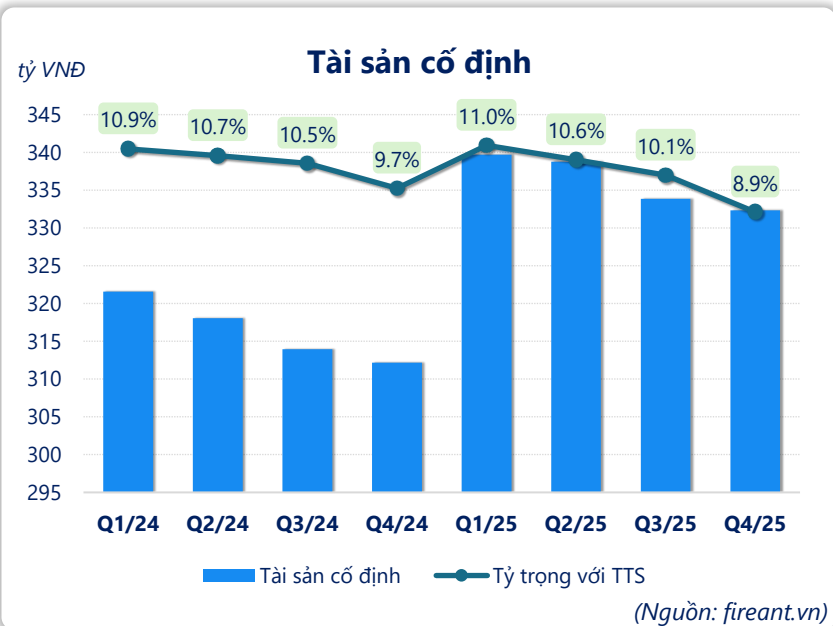
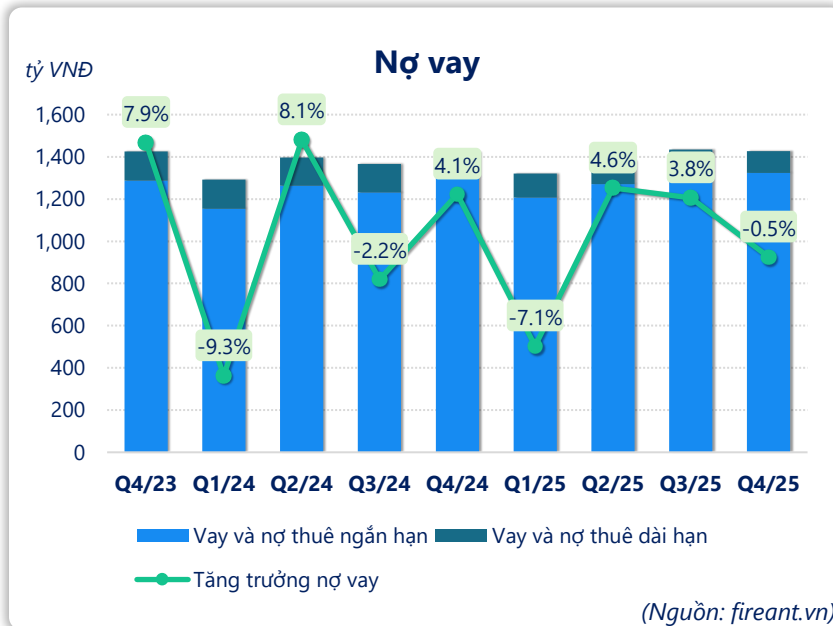
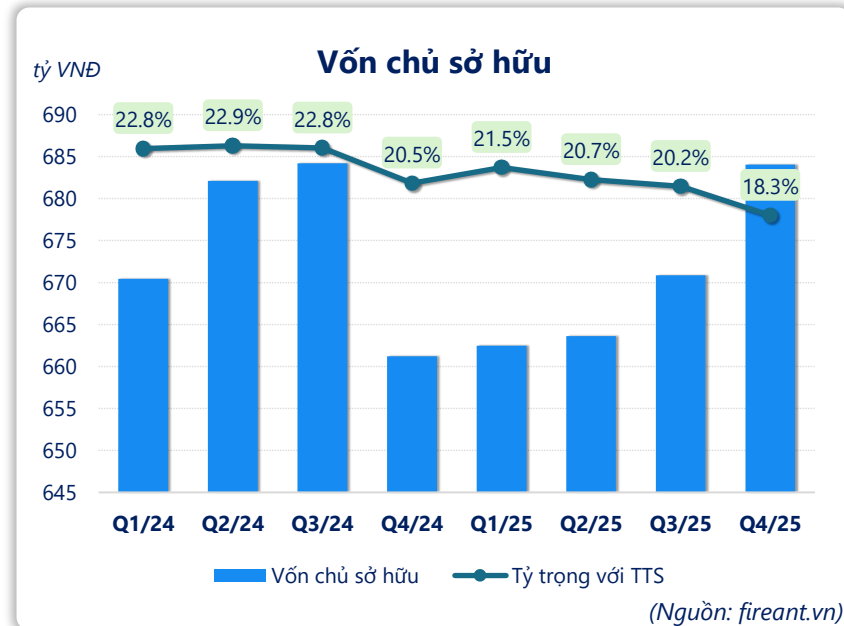
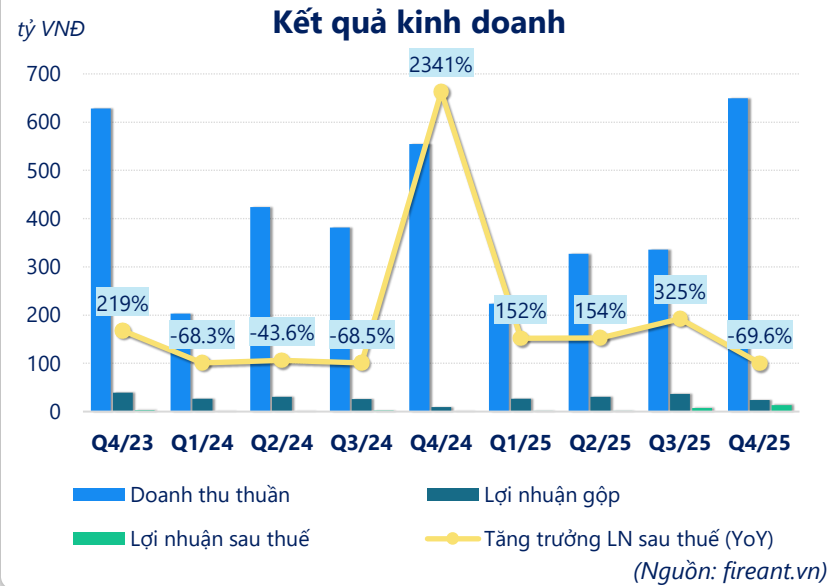
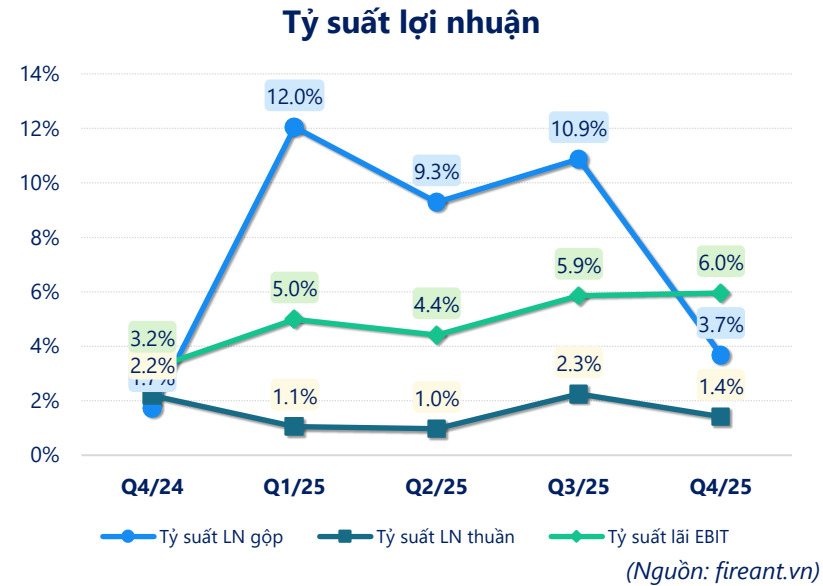
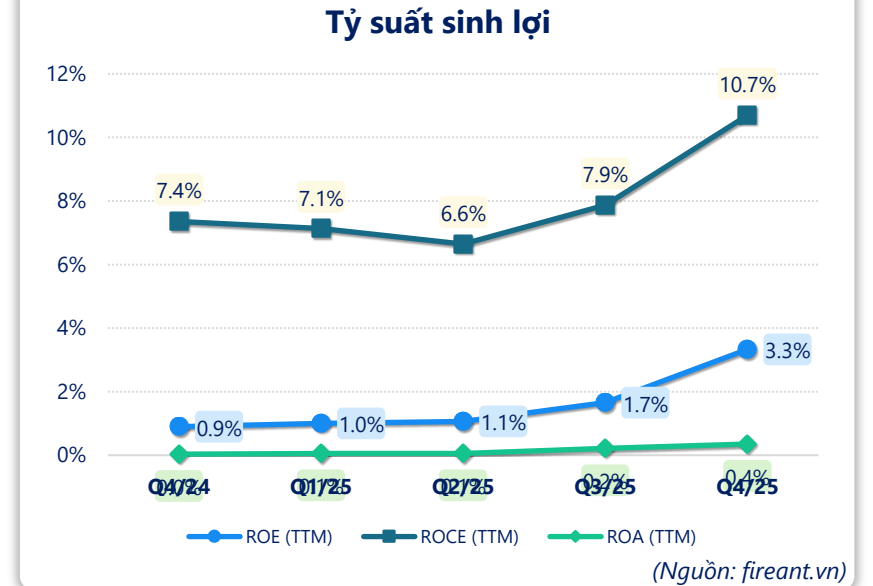
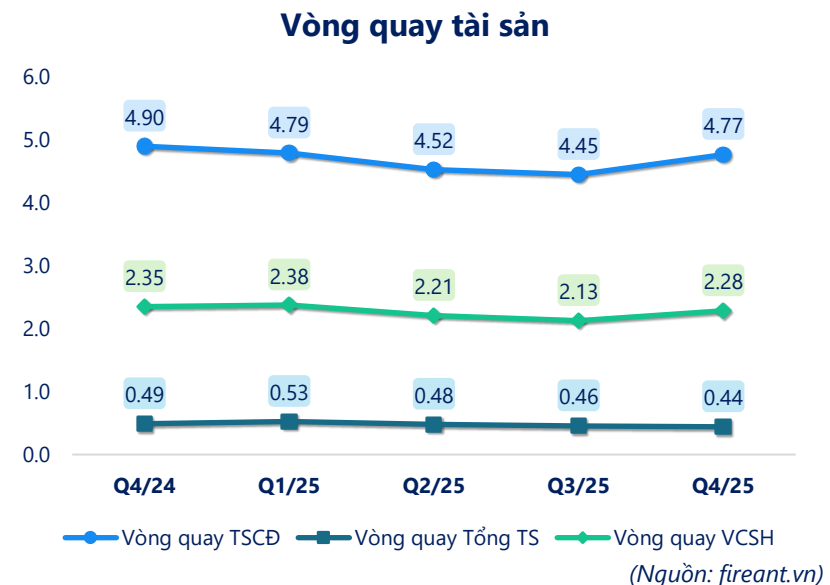
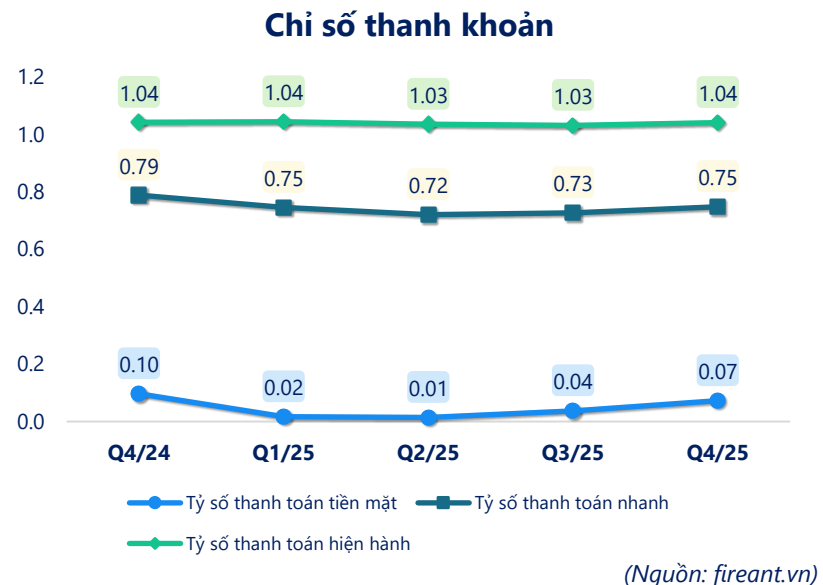
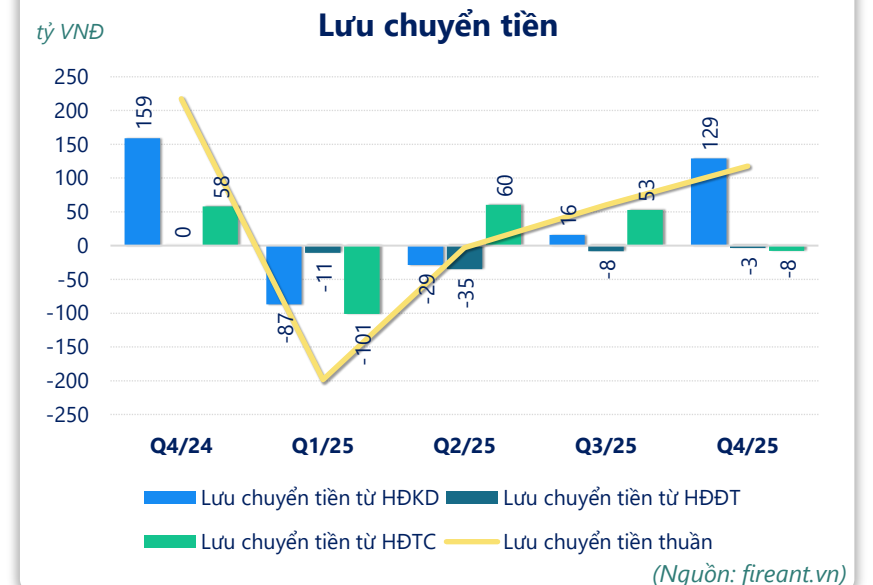


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,930
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,390
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,600
SL cổ phiếu LH		50,681,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)		164,630
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		250
P/E		11.2
EPS		442

	YTD	1T	3T	6T
PHC	-11.5%	-1.4%	-15.3%	-5.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,732	3,240	15.2%
Tài sản ngắn hạn	3,063	2,560	19.7%
Tiền và tương đương tiền	213	236	-10.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.7	2.00	2339%
Phải thu ngắn hạn	1,919	1,689	13.6%
Hàng tồn kho	862	628	37.3%
Tài sản ngắn hạn khác	21.2	4.92	331%
Tài sản dài hạn	668	681	-1.8%
Phải thu dài hạn	0.29	0.85	-65.7%
Tài sản cố định	332	344	-3.5%
Bất động sản đầu tư	98.2	67.0	46.5%
Tài sản dở dang	0	1.46	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	216	245	-11.7%
Tài sản dài hạn khác	17.2	17.3	-0.6%
Lợi thế thương mại	4.28	4.76	-10.1%
Nợ phải trả	3,048	2,579	18.2%
Nợ ngắn hạn	2,944	2,459	19.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,323	1,303	1.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	761	761	0.0%
Nợ dài hạn	103	120	-13.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	103	120	-13.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	684	661	3.5%
Vốn chủ sở hữu	684	661	3.5%
Vốn điều lệ	507	507	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	554	223	327	336	650
Giá vốn hàng bán	545	196	297	299	626
Lợi nhuận gộp	9.60	26.9	30.4	36.5	23.9
Doanh thu HĐTC	29.1	0.56	0.67	0.97	31.5
Chi phí TC	8.19	9.51	12.5	12.1	23.4
Chi phí lãi vay	7.17	9.20	12.2	11.0	22.6
LN trong công ty LKLD	1.17	0.53	0.10	-0.03	-0.09
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	19.6	16.1	15.5	17.8	22.7
LN thuần từ HĐKD	12.2	2.36	3.18	7.56	9.21
Lợi nhuận khác	-1.69	-0.42	-1.01	1.12	6.85
LN trước thuế	10.5	1.94	2.17	8.67	16.1
Lợi nhuận sau thuế	1.04	1.26	1.12	7.25	13.2
LNST của CĐ cty mẹ	1.06	1.70	1.72	6.74	12.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	159	-86.8	-28.5	15.6	129
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.37	-10.7	-34.9	-8.24	-3.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	58.0	-101	60.2	53.0	-7.86
Tiền đầu kỳ	18.9	236	37.8	34.5	94.9
Lưu chuyển tiền thuần	217	-199	-3.24	60.4	118
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	236	37.8	34.5	94.9	213

(Nguồn: fireant.vn)